

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KIẾN TRÚC SƯ K22A

(Ban hành theo Quyết định số 442 ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Kiến trúc sư

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kiến trúc

Mã số: 52580102

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1 Mục tiêu chung:

- Đào tạo kiến trúc sư có phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức, có sức khỏe, có khả năng làm việc tập thể, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Kiến trúc sư công trình được trang bị những kiến thức cơ bản rộng, kiến thức chuyên môn cần thiết, có năng lực thiết kế các công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp, trang trí nội ngoại thất, sân vườn, thi công các công trình kiến trúc có quy mô vừa và nhỏ nhằm phục vụ các nhu cầu đa dạng của sự phát triển kinh tế xã hội, theo kịp sự tiến bộ của Khoa học kỹ thuật, tiến tới hội nhập với khu vực và quốc tế.
- Chương trình đào tạo ngành kiến trúc trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên của ngành những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện, khả năng áp dụng những nguyên lý kỹ thuật cơ bản, có những kỹ năng cần thiết để đảm đương công việc của người kiến trúc sư.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

a. Về kiến thức:

- Có kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng Cộng Sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam;
- Có kiến thức căn bản về khoa học kỹ thuật, nghệ thuật, xã hội và nhân văn liên quan đến hoạt động hành nghề;
- Có kiến thức chuyên ngành thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp;
- Có hiểu biết nhất định về quy hoạch đô thị và kỹ thuật hạ tầng để vận dụng cho việc thiết kế công trình;
- Có thể tham gia trong quá trình lập và quản lý dự án liên quan đến chuyên ngành Kiến trúc.

b. Về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp triển khai, phân tích và thiết kế kiến trúc; có khả năng sáng tác độc lập;
- Có năng lực thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Có kiến thức thiết kế nội, ngoại thất công trình;
- Có khả năng nắm bắt các xu hướng, trào lưu thiết kế kiến trúc mới, hiện đại của Thế giới.
- Có khả năng nắm bắt và triển khai hồ sơ kiến trúc.
- Có khả năng tiếp cận các giá trị văn hóa nghệ thuật của thế giới trong hoạt động nghề nghiệp, làm cơ sở cho việc nghiên cứu ở bậc học cao hơn.
- Có năng lực tư duy phản biện;
- Có năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kiến trúc – xây dựng;

c. Thái độ:

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiến trúc là người có phẩm chất đạo đức và có đủ sức khỏe để tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Có trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp.
- Có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa, nghệ thuật, có ý thức bảo vệ môi trường
- Có năng lực độc lập trong sáng tác kiến trúc.

d. Khả năng làm việc sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiến trúc có thể tham gia công tác trong các lĩnh vực:

- Tư vấn, thiết kế kiến trúc – xây dựng.
- Giám sát xây dựng các công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp.
- Có thể tham gia trong các dự án, Ban Quản lý dự án xây dựng;
- Quản lý vận hành và khai thác sử dụng các công trình kiến trúc;
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng và triển khai công nghệ kiến trúc – xây dựng.
- Tiếp tục học tập, nâng cao trình độ để tham gia công tác giảng dạy.
- Tham gia Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kể trên.

e. Khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiến trúc có khả năng học tiếp lên chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ trong quá trình công tác.

f. Trình độ Ngoại ngữ: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể đọc hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến lĩnh vực kiến trúc, xây dựng; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt trình độ tương đương 450 điểm TOEIC

g. Trình độ Tin học (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014)

h. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2. Thời gian đào tạo

5 năm theo hệ thống tín chỉ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

160 tín chỉ, không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Được phân bổ như sau:

Khối kiến thức		Số tín chỉ
Bắt buộc: 148 TC (92,50%)	Kiến thức giáo dục đại cương	30 TC (18,75%)
	Kiến thức cơ sở ngành	58 TC (36,25%)
	Kiến thức chuyên ngành	50 TC (31,25%)
	Kiến thức bổ trợ	0
	Đồ án Tốt nghiệp	10 TC (6,25%)
Tự chọn: 12 TC (7,50%)	Kiến thức tự chọn	12 TC (7,50%)
		160 TC

4. Đối tượng tuyển sinh:

Các đối tượng đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương trúng tuyển kỳ thi đại học hằng năm, tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- **Quy trình đào tạo:** chương trình đào tạo kiến trúc sư được phân bổ 5 năm, chia làm 10 học kỳ chính. Mỗi năm có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ hè. Học kỳ cuối cùng được dành để làm Đồ án tốt nghiệp.

- **Điều kiện tốt nghiệp:** Sinh viên đạt các yêu cầu theo Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng hệ chính quy; Có các chứng chỉ GDQP và đầy đủ kiến thức được đánh giá số TC theo quy định; Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Thang điểm

Thang điểm 10

7. Nội dung chương trình (tên và khối các học phần)

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Khối kiến thức		Số tín chỉ
Bắt buộc: 148 TC (93.75%)	Kiến thức giáo dục đại cương	30 TC (18,5%)
	Kiến thức cơ sở ngành	58 TC (36,25%)

	Kiến thức chuyên ngành	50 TC (31,25%)
	Kiến thức bổ trợ	0
	Đồ án Tốt nghiệp	10 TC (6,25%)
Tự chọn: 12TC	Kiến thức tự chọn	12 TC (7,5%)

7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Dạng học phần			Học phần học trước	Học phần song hành
				LT	TH	Tự học		
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		30					
1.1	Lí luận Mac Lenin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac Lenin(Phần 1)	2	30		60		
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac Lenin(Phần 2)	3	45		90		
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		60		
4		Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		90		
1.2	Khoa học và xã hội (Phần bắt buộc)							
1		Pháp luật đại cương	2	30		60		
1.3	Ngoại ngữ							
1		Anh văn 1	4	60		120		
2		Anh văn 2	3	45		90		
3		Anh văn 3	3	45		90		
4		Anh văn 4	3	45		90		
1.4	Khoa học tự nhiên, tin học							
1		Toán cao cấp	3	45		90		

2		Tin học đại cương	2	0	60	30		
1.5	Giáo dục thể chất							
1		Giáo dục thể chất 1	3					
2		Giáo dục thể chất 1	2					
1.6	Giáo dục quốc phòng							
1		Giáo dục quốc phòng 1	5					
2		Giáo dục quốc phòng 2	3					
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		54					
1		Kiến trúc nhập môn	2	30	0	60		
2		Hình học họa hình 1	2	30	0	60		
3		Hình học họa hình 2	2	30	0	60		
4		Hội họa 1	2	0	60	30		
5		Hội họa 2	2	0	60	30		
6		Tin học chuyên ngành 1	3	0	90	45	2D(Autocad), Sketchup, Photoshop	
7		Tin học chuyên ngành 2	2	0	60	30	Revit, 3D Max	
8		Anh Văn chuyên ngành 1	2	15	30	45		
9		Anh Văn chuyên ngành 2	2	15	30	45		
10		Lịch sử Kiến trúc Phương Đông	2	30	0	60		
11		Lịch sử Kiến trúc Việt Nam	2	30	0	60		
12		Lịch sử Kiến trúc Phương Tây	3	45	0	90		
13		Bố cục tạo hình	2	15	30	45		
14		Vật lý kiến trúc 1	2	30	0	60	Khí hậu	Thông gió
15		Vật lý kiến trúc 2	3	45	0	90	Quang học	Âm học
16		Cấu tạo kiến trúc 1	3	45	0	90		

17		Cấu tạo kiến trúc2	2	30	0	60		
18		Kết cấu Công trình 1	3	45	0	90		
19		Kết cấu Công trình 2	3	30	30	75		
20		Nguyên lý thiết kế công trình Công cộng	3	45	0	90		
21		Nguyên lý thiết kế công trình Nhà ở	2	30	0	60		
22		Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	2	30	0	60		
23		Hệ thống kỹ thuật và thiết bị công trình	3	45	0	90		
24		Quy hoạch chi tiết khu ở	2	30	0	60		
25		Đề cương và chọn đề tài tốt nghiệp	2	30	0	60		
2.2	Kiến thức chuyên ngành		60					
1		Bài tập (Đồ án) cơ sở 1	2	0	60	30	(6T)	
2		Bài tập (Đồ án) cơ sở 2	2	0	60	30	(6T)	
3		Bài tập (Đồ án) cơ sở 3	2	0	60	30	(6T)	
4		Bài tập (Đồ án) cơ sở 4	3	0	90	45	(9T)	
5		Đồ án Kiến trúc Công Cộng 1	2	0	60	30	(6T)	
6		Đồ án Cấu tạo	1	0	30	15		
7		Đồ án Kiến trúc Nhà Ở 1	3	0	90	45	(9T)	
8		Đồ án Kiến trúc Công Cộng 2	2	0	60	30	(6T)	
9		Đồ án Kiến trúc Công Cộng 3	3	0	90	45	(9T)	
10		Đồ án Kiến trúc Công Cộng 4	2	0	60	30	(6T)	
11		Đồ án Kiến trúc Nhà Ở 2	3	0	90	45	(9T)	
12		Đồ án Kiến trúc Công Cộng 5	2	0	60	30	(6T)	

13		Đồ án Kiến trúc Công Nghiệp	3	0	90	45	(9T)	
14		Đồ án Kiến trúc Thiết kế nội ngoại thất	2	0	60	30	(6T)	
15		Đồ án Quy hoạch khu Ở	3	0	90	45	(9T)	
16		Đồ án Kiến trúc Công Cộng 6	2	0	60	30	(6T)	
17		Đồ án Kiến trúc Công Cộng 7	3	0	90	45	(9T)	
18		Đồ án Tổng hợp	3	0	90	45	(9T)	
19		Đồ án Chuyên đề Tốt Nghiệp	2	0	60	30	(6T)	
20		Thực tập Tốt Nghiệp	2	0	60	30	(4T)	
21		Đồ án Tốt Nghiệp	10	0	300	150	(15T)	
22		Thiết kế nhanh 1 và 2	1	0	30	15		
23		Thiết kế nhanh 3 và 4	1	0	30	15		
24		Thiết kế nhanh 5 và 6	1	0	30	15		
2.3		Kiến thức tự chọn	12					
		Chuyên đề kiến trúc 1	(chọn 1 trong 2 môn)					
1		- Thực hành kiến trúc	2	30	0	60		
2		- Điều khắc trong không gian kiến trúc						
		Chuyên đề kiến trúc 2	(chọn 1 trong 2 môn)					
1		- Kiến trúc & Môi trường	2	30	0	60		
2		- Công nghệ Xây dựng và Vật liệu mới						
		Chuyên đề kiến trúc 3	(chọn 1 trong 2 môn)					
1		- Lịch sử đô thị	2	30	0	60		
2		- Kiến trúc nhà cao tầng						
		Chuyên đề Kiến trúc 4	(chọn 1 trong 2 môn)					
1		- Kiến trúc cảnh quan	2	30	0	60		

2		- Kiến trúc và phong thủy					
		Chuyên đề Kiến trúc 5	(chọn 1 trong 2 môn)				
1		- Xã hội học kiến trúc	2	30	0	60	
2		- Lập và quản lý dự án					
		Chuyên đề Kiến trúc 6	(chọn 1 trong 2 môn)				
1		- Kiến trúc công cộng (bệnh viện)					
2		- Kiến trúc công cộng (khách sạn)					
		Tổng cộng toàn khóa	160				TC

8. Khung chương trình

8.1. Kế hoạch đào tạo:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Dạng học phần			Ghi chú
				LT	TH	Tự học	
Học kỳ 1			19				
1		Anh Văn 1	4	60	0	120	
2		Hội họa 1	2	0	60	30	
3		Hình họa 1	2	30	0	60	
4		Những NLCB của CN Mac Lenin 1	2	30	0	60	
5		Toán cao cấp	3	45	0	90	
6		Kiến trúc nhập môn	2	30	0	60	
7		Bài tập cơ sở 1	2	0	60	30	6 tuần
8		Bài tập cơ sở 2	2	0	60	30	6 tuần
Học kỳ 2			18				
1		Anh Văn 2	3	45	0	90	
2		Hội họa 2	2	0	60	30	
3		Hình họa 2	2	30	0	60	
4		Nguyên lý TK Công trình Công Cộng	3	45	0	90	
5		Cấu tạo KT 1	3	45	0	90	
6		Bài tập cơ sở 3	2	0	60	30	6 tuần
7		Bài tập cơ sở 4	3	0	90	45	9 tuần
Học kỳ 3			19				
1		Anh Văn 3	3	45	0	90	
2		Lịch sử Kiến trúc Phương Đông	2	30	0	60	
3		Tin học đại cương	2	0	60	30	

4	Nguyên lý thiết kế Công trình Nhà ở	2	30	0	60	
5	Cấu tạo KT 2	2	30	0	60	
6	Bố cục Tạo hình	2	15	30	45	
7	Đồ án Cấu tạo KT	1	0	30	15	
8	Đồ án Kiến trúc Công cộng 1	2	0	60	30	6 tuần
9	Đồ án Kiến trúc Nhà ở 1	3	0	90	45	9 tuần
Học kỳ 4		16				
1	Anh Văn 4	3	45	0	90	
2	Lịch sử Kiến trúc Việt Nam	2	30	0	60	
3	Tin học chuyên ngành 1	2	0	60	30	
4	Kết cấu Công trình 1	3	45	0	90	
5	Thiết kế nhanh 1 và 2	1	0	30	15	
6	Đồ án Kiến trúc Công cộng 2	2	0	60	30	6 tuần
7	Đồ án Kiến trúc Công cộng 3	3	0	90	45	9 tuần
Học kỳ 5		18				
1	Anh văn chuyên ngành 1	2	15	30	45	
2	Lịch sử Kiến trúc Phương Tây	3	45	0	90	
3	Tin học chuyên ngành 2	3	0	90	45	
4	Nguyên lý TK Kiến trúc Công nghiệp	2	30	0	60	
5	Kết cấu Công trình 2	3	30	30	75	
6	Đồ án Kiến trúc Công cộng 4	2	0	60	30	6 tuần
7	Đồ án Kiến trúc Nhà ở 2	3	0	90	45	9 tuần
Học kỳ 6		15				
1	Anh văn chuyên ngành 2	2	15	30	45	
2	Quy hoạch chi tiết khu ở	2	30	0	60	
3	Vật lý Kiến trúc 1	2	30	0	60	
4	Những NLCB của CN Mac Lenin 2	3	45	0	90	
5	Thiết kế nhanh 3 và 4	1	0	30	15	
6	Đồ án Kiến trúc Công cộng 5	2	0	60	30	6 tuần
7	Đồ án Kiến trúc Công nghiệp	3	0	90	45	9 tuần
Học kỳ 7		14				
1	Chuyên đề kiến trúc 1 (tự chọn)	2	30	0	60	
2	Chuyên đề kiến trúc 2 (tự chọn)	2	30	0	60	
3	Vật lý Kiến trúc 2	3	45	0	90	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60	
5	Đồ án Kiến trúc Thiết kế nội ngoại thất	2	0	60	30	6 tuần
6	Đồ án Kiến trúc Quy hoạch khu ở	3	0	90	45	9 tuần
Học kỳ 8		18				
1	Chuyên đề Kiến trúc 3 (tự chọn)	2	30	0	60	
2	Chuyên đề Kiến trúc 4 (tự chọn)	2	30	0	60	

3		Hệ thống kỹ thuật và thiết bị công trình	3	45	0	90	
4		Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	90	
5		Thiết kế nhanh 5 và 6	1	0	30	15	
6		Đồ án Kiến trúc Công cộng 6	2	0	60	30	6 tuần
7		Đồ án Kiến trúc Công cộng 7	3	0	90	45	9 tuần
8		Thực tập tốt nghiệp	2	0	60	30	6 tuần
Học kỳ 9			13				
1		Chuyên đề Kiến trúc 5 (tự chọn)	2	30	0	60	
2		Chuyên đề Kiến trúc 6 (tự chọn)	2	30	0	60	
3		Đề cương và chọn đề tài tốt nghiệp	2	30	0	60	
4		Pháp luật đại cương	2	30	0	60	
5		Đồ án Tổng hợp	3	0	90	45	9 tuần
6		Đồ án Chuyên đề tốt nghiệp	2	0	60	30	6 tuần
Học kỳ 10			10				
1		Thi tốt nghiệp chính trị					
2		Đồ án tốt nghiệp	10	0	300	150	15 tuần

8.2. Hướng dẫn thực hiện:

a. Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2015/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

b. Yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên ngành Kiến trúc:

- Đối với giảng viên: cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ giảng dạy trước khi đến lớp, giảng dạy đúng theo đề cương môn học, công bố bài giảng tóm tắt cho Bộ môn và sinh viên, biên soạn tài liệu phục vụ thực hành, tài liệu hướng dẫn tự học.
- Đối với sinh viên: cần tập hợp tài liệu đầy đủ cho việc tiếp thu môn học, nghiên cứu ứng dụng kiến thức, lý thuyết vào thực hành, dự lớp chuyên cần, đảm bảo khối lượng và kết quả học tập.

9. Tóm tắt nội dung các học phần

A. Khối kiến thức giáo dục đại cương

Lí luận Mac Lenin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

9.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac Lenin (Phần 1): 2TC

(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)

- 9.2. **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac Lênin(Phần 2): 3TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)
- 9.3. **Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)
- 9.4. **Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)

Khoa học và xã hội:

- 9.5. **Pháp luật đại cương: 2TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)

Ngoại ngữ:

- 9.6. **Anh văn 1: 4TC**
(Khoa ngoại ngữ phụ trách)
- 9.7. **Anh văn 2: 3TC**
(Khoa ngoại ngữ phụ trách)
- 9.8. **Anh văn 3: 3TC**
(Khoa ngoại ngữ phụ trách)
- 9.9. **Anh văn 4: 3TC**
(Khoa ngoại ngữ phụ trách)

Khoa học tự nhiên, tin học:

- 9.10. **Toán cao cấp: 3TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)
- 9.11. **Tin học đại cương: 2TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)

Giáo dục thể chất

- 9.12. **Giáo dục thể chất 1: 3TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)
- 9.13. **Giáo dục thể chất 2: 2TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)

Giáo dục quốc phòng

- 9.14. **Giáo dục quốc phòng 1: 5TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)
- 9.15. **Giáo dục quốc phòng 2: 3TC**
(Ban Khoa học cơ bản phụ trách)

B. Khôi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

Kiến thức cơ sở ngành:

9.16. Kiến trúc nhập môn: 2TC

Giới thiệu khái niệm về kiến trúc, kiến trúc sư, nghề kiến trúc. Môn học mô tả các bộ phận trong công trình, giúp sinh viên hiểu vai trò nguyên lý hoạt động của từng thành phần đó. Qua các hoạt động thảo luận, thực hành đo vẽ con người, sinh viên hiểu được tỉ lệ nhân tính, hoạt động của con người trong công trình kiến trúc, tìm hiểu về các công trình và kiến trúc sư tiêu biểu. Bài giảng hướng sinh viên đến việc ý thức hòa hợp các tác động qua lại giữa công trình, con người, môi trường tự nhiên, xã hội. Môn học cung cấp cho sinh viên các phương pháp làm việc cơ bản, phương pháp tư duy sáng tạo và trình tự làm việc, nghiên cứu của người kiến trúc sư. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Hình thể, Không gian, Trật tự sắp đặt và ứng dụng của nó trong phương pháp tư duy thiết kế.

9.17. Hình học họa hình 1: 2TC

Phần hình chiếu thẳng góc gồm có 02 chương: các phương pháp chiếu; phương pháp xác định vị trí của điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian; các phương pháp biến đổi: các phép biến đổi, biểu diễn mặt diện, mặt cong, giao các mặt.

9.18. Hình học họa hình 2: 2TC

Phần bóng, hình chiếu trục đo và hình chiếu phối cảnh gồm có 4 chương: Phương pháp hình chiếu trục đo: khái niệm, các loại hình chiếu trục đo và phương pháp thực hiện; Phối cảnh mặt tranh phẳng thẳng đứng: Hệ thống hình chiếu và phương pháp vẽ phối cảnh mặt tranh phẳng thẳng đứng dành cho kiến trúc; Phối cảnh mặt tranh nghiêng; Hệ thống hình chiếu và phương pháp thực hiện; Bóng trên các hình chiếu: khái niệm và các phương pháp thường dùng.

9.19. Hội họa 1: 2TC

Cung cấp những kiến thức cơ bản về màu sắc để thực hiện những bài vẽ hình họa bằng chì. Nghiên cứu mẫu và thể hiện bài vẽ chì tại lớp và các bài tập tại nhà.

9.20. Hội họa 2: 2TC

Cung cấp kiến thức cơ bản về màu sắc và ứng dụng để thực hiện những bài vẽ phong cảnh bằng màu nước, những bài tả thật con vật hoặc hoa lá, nâng cao qua những bài vẽ cách điệu màu và cách điệu đối tượng bằng nét đen trắng.

9.21. Tin học chuyên ngành 1: 3TC

Phần Autocad 2D gồm 3 chương: Khái niệm và thao tác cơ bản; Khai thác năng lực tự động hóa của phần mềm Autocad; Quản lý, trình bày và in ấn bản vẽ kỹ thuật đồ án kiến trúc.

Phần Sketchup gồm có: Giới thiệu về giao diện và các công cụ; Dựng hình cơ bản và ứng dụng; Dựng hình nâng cao và quản lý mô hình 3D; Ánh sáng, vật liệu, hiển thị và truy xuất.

Phần Adobe Photoshop (phiên bản CS5): Tổng quan về ảnh số và phần mềm Photoshop (độ phân giải, độ sâu màu, ...); Giao diện và công cụ: Cắt, ghép và hiệu chỉnh ảnh; Viết chữ, hoàn thiện và xuất ảnh; Ánh sáng trong photoshop; Dàn trang đồ án.

9.22. Tin học chuyên ngành 2: 4TC

Phần Revit: khái niệm và thao tác cơ bản; Khai thác năng lực tự động hóa của phần mềm Revit; Quản lý, trình bày và in ấn bản vẽ kỹ thuật đồ án kiến trúc.

Phần 3D Max: - Giao diện, công cụ và thao tác của phần mềm 3D Max

- Quản lý và dựng hình khối cơ bản.
- Hiệu chỉnh và dựng hình nâng cao.
- Tạo và ốp vật liệu.
- Truy xuất ra các phần mềm khác.

9.23. Anh văn chuyên ngành 1: 2TC

03 bài đọc tiếng Anh chuyên ngành về ngành nghề kiến trúc, 03 chủ đề văn phạm chính đi song song với các bài đọc chuyên ngành, rèn các kỹ năng đọc hiểu song song với các bài đọc chuyên ngành tổng quát.

9.24. Anh văn chuyên ngành 2: 2TC

03 bài đọc tiếng Anh chuyên ngành Kiến trúc chuyên sâu nghề nghiệp, 03 chủ đề văn phạm chính đi song song với các bài đọc chuyên ngành, rèn các kỹ năng đọc hiểu song song với các bài đọc chuyên ngành chuyên sâu.

9.25. Lịch sử Kiến trúc Phương Đông: 2TC

Nội dung học phần đề cập đến đặc điểm kiến trúc và các công trình tiêu biểu của kiến trúc Ấn Độ và Trung Quốc thời cổ và trung đại. Khái quát kiến trúc các nước Đông Nam Á như: Indonesia và Campuchia ... Đặc điểm và các loại hình kiến trúc của Nhật Bản – một ví dụ phương Đông điển hình về sự phát triển của một nền kiến trúc dân tộc giàu màu sắc cần được học tập.

Việc nắm vững nội dung học phần này là điều kiện để sinh viên có thể tiếp tục học tiếp học phần Văn hóa phương Đông và Kiến trúc trong chương trình đào tạo.

9.26. Lịch sử Kiến trúc Việt Nam: 2TC

Khái quát những yếu tố tác động đến lịch sử hình thành và phát triển của kiến trúc Việt Nam qua các thời kỳ. Tìm hiểu các loại hình kiến trúc và những đặc trưng cơ bản của kiến trúc Việt Nam

Đi sâu phân tích những công trình kiến trúc có giá trị. Đặc biệt đi sâu tìm hiểu đặc điểm về phong cách kiến trúc từng loại hình, tìm ra những đặc trưng và những môtip đặc thù mang dấu ấn của văn hóa truyền thống Việt Nam trong kiến trúc.

Thực hành tham quan công trình thực tế: khảo sát, tìm hiểu, thu thập tài liệu, ghi nhận (bằng hình ảnh, bản vẽ ...), nghiên cứu công trình, đúc kết kiến thức và tổng kết thu hoạch.

Việc nắm vững nội dung học phần này là điều kiện để sinh viên có thể tiếp tục học tiếp học phần Văn hóa phương Đông và kiến trúc trong chương trình đào tạo.

9.27. Lịch sử Kiến trúc Phương tây: 3TC

Giúp sinh viên đạt được kiến thức cơ bản về đặc điểm nghệ thuật và kỹ thuật kiến trúc, các thể loại công trình đặc trưng gắn liền với bối cảnh tự nhiên – xã hội của các nền kiến trúc phương Tây tiêu biểu thuộc các thời kỳ Công xã nguyên thủy, Cổ đại, Trung đại đến thời kỳ Phục Hưng, Cận hiện đại, Hiện đại thế kỷ XIX, thời kỳ Hiện đại

thế kỷ XX. Từ đó sinh viên nắm được các quy luật pháp triển kiến trúc và được trang bị một phần lý luận cơ bản để vận dụng vào thực hành sáng tác và phân tích công trình kiến trúc.

Cấu trúc nội dung mỗi bài giảng cơ bản gồm 3 phần: bối cảnh tự nhiên và xã hội; các loại hình công trình và các công trình tiêu biểu; đặc điểm chung về kiến tạo và nghệ thuật.

9.28. **Bố cục Kiến trúc: 2TC**

Gồm 02 phần

Phần 1 (lý thuyết): 15 giờ - Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên về bố cục tạo hình nói chung cũng như tạo hình kiến trúc nói riêng. Thảo luận về yếu tố thẩm mỹ, tư duy cảm thụ cái đẹp và tầm quan trọng của việc nghiên cứu không gian kiến trúc.

Phần 2 (thực hành): 30 giờ – Sinh viên chia nhóm (5sv/nhóm) làm việc ở nhà và báo cáo thuyết trình tại lớp theo nhóm với những đề tài được chia thành từng giai đoạn do giảng viên đặt ra.

9.29. **Vật lý kiến trúc 1: 2TC**

Cung cấp kiến thức tổng quát về các nhân tố khí hậu của địa điểm xây dựng có tác động ảnh hưởng đến công trình kiến trúc, sự tác động của lĩnh vực xây dựng đối với môi trường thiên nhiên và những yêu cầu quan trọng dưới góc độ khoa học vật lý kiến trúc nhằm tạo lập môi trường vi khí hậu, đáp ứng tốt nhất cho các hoạt động của con người trong không gian của môi trường sống.

Thông qua bài giảng lý thuyết và thực hành, trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu lĩnh vực khoa học vật lý kiến trúc, khả năng tư duy ứng dụng và sáng tạo trong thiết kế kiến trúc thích ứng với điều kiện khí hậu, kiến trúc tiết kiệm, có hiệu quả về năng lượng, cũng như các xu hướng thiết kế kiến trúc khác có quan tâm đến bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên.

9.30. **Vật lý kiến trúc 2: 3TC**

Nội dung chính gồm có 02 phần:

Phần 1: Quang học Kiến trúc

- Những khái niệm cơ bản về ánh sáng và chiếu sáng trong kiến trúc.
- Kỹ thuật trong thiết kế chiếu sáng kiến trúc
- Thẩm mỹ trong thiết kế chiếu sáng kiến trúc

Phần 2: Âm học Kiến trúc

- Những khái niệm cơ bản về trang âm và chống ồn trong kiến trúc.
- Phương pháp thiết kế và tính toán trang âm trong phòng khán giả.
- Phương pháp thiết kế và tính toán chống ồn ngoài nhà, thiết kế kết cấu cách âm.

9.31. Cấu tạo kiến trúc 1: 3TC

Trình bày về các bộ phận cấu tạo trong công trình kiến trúc và nguyên tắc liên kết giữa chúng để hình thành công trình; đảm bảo cho công trình kiến trúc ổn định, bền vững; đáp ứng yêu cầu tạo lập không gian kiến trúc và chống lại các tác động bất lợi từ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội trong quá trình sử dụng công trình.

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thể hiện, trình bày các bản vẽ kỹ thuật đúng quy cách phù hợp các tiêu chuẩn, quy phạm của ngành. Từ đó sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu sáng tạo trong thiết kế sáng tác, đáp ứng các yêu cầu của kiến trúc.

9.32. Cấu tạo kiến trúc 2: 2TC

Khái quát về các loại hình thuộc hệ thống giao thông đứng trong công trình: chức năng, yêu cầu và phạm vi ứng dụng của từng bộ phận.

Một số vấn đề kỹ thuật công trình như giải pháp móng cho công trình cao tầng, giải pháp thu thoát nước và hệ thống xử lý nước thải, tổ chức khe biến dạng trong công trình,...

Các giải pháp cấu tạo tại những vị trí đặc thù, giải pháp cấu tạo thỏa mãn các yêu cầu chuyên biệt trong sử dụng công trình.

Nguyên tắc tổ chức, yêu cầu và giải pháp cấu tạo cơ bản các bộ phận hình thành kiến trúc nhà công nghiệp.

9.33. Đồ án cấu tạo: 1TC

Vận dụng kiến thức từ môn học Cấu tạo kiến trúc vào việc thực hiện một đồ án triển khai chi tiết cấu tạo của một công trình kiến trúc có quy mô từ 1 đến 3 tầng.

9.34. Kết cấu công trình 1: 2TC

Vai trò của kiến trúc sư đối với kết cấu công trình.

Nội dung cơ bản của sức bền vật liệu: công trình cần được tính toán để bảo đảm độ bền, độ cứng và độ ổn định dưới tác dụng của ngoại lực.

Nội dung cơ bản của cơ học kết cấu: một hệ thống kết cấu bao gồm nhiều cấu kiện riêng lẻ liên kết với nhau. Muốn tính toán một công trình thực tế, cần phải đơn giản hóa, mô tả công trình dưới dạng sơ đồ tính toán của hệ kết cấu và xác định nội lực phát sinh trong từng cấu kiện của hệ thống kết cấu đó.

Những vấn đề chung về kết cấu công trình.

Kiến thức cơ bản về bản chất làm việc của vật liệu trong kết cấu.

9.35. Kết cấu công trình 2: 3TC

Trong một công trình, bộ xương chịu lực bao gồm móng, cột, tường, dầm, sàn, mái, ... chúng được liên kết với nhau để cùng nhau chịu mọi loại tác động, mọi loại tải trọng. Hệ thống các bộ phận đó gọi chung là kết cấu công trình, như vậy mỗi loại vật liệu cho kết cấu đó cần tính toán kích thước để đủ khả năng chịu lực, đồng thời tạo thành một hệ kết cấu ổn định.

Tuy nhiên, kiến thức về kết cấu công trình đối với kiến trúc sư chỉ cần hạn chế trong những khái niệm tổng quát về sự ổn định, sự chịu lực để đề xuất và lựa chọn phương án, sơ bộ bố trí kết cấu và sơ bộ lựa chọn kích thước tối thiểu trong phạm vi hợp lý.

9.36. Nguyên lý thiết kế công trình công cộng: 3TC

Xác định rõ các khái niệm về kiến trúc và phân loại các công trình kiến trúc công cộng. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn trong thiết kế xây dựng.

Các nguyên tắc chung khi thiết kế một công trình kiến trúc công cộng.

Các phương pháp thiết kế kiến trúc cho các thể loại công trình công cộng.

Hiểu rõ các không gian công năng và các nguyên tắc thiết kế cho các không gian này.

Các nguyên tắc cơ bản để tổ hợp không gian và bố cục mặt bằng kiến trúc.

Các nguyên tắc cơ bản khi thiết kế tổ chức giao thông bên trong và bên ngoài công trình kiến trúc.

Các nguyên tắc cơ bản để tổ hợp hình khối không gian và thiết kế mặt đứng kiến trúc.

Các nguyên tắc cơ bản khi thiết kế an toàn thoát người trong công trình kiến trúc.

Các nguyên tắc thiết kế nền dốc cho phòng khán giả và khán đài công trình Thể dục thể thao.

Các vấn đề kỹ thuật và trang thiết bị cần thiết cho sự hoạt động của công trình có ảnh hưởng trong thiết kế kiến trúc.

9.37. Nguyên lý thiết kế công trình nhà ở: 2TC

Cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về các chức năng, yêu cầu của các không gian trong nhà ở và cách tổ chức không gian của các dạng nhà ở và cách tổ chức không gian của các dạng nhà ở khác nhau. Thông qua bài giảng lý thuyết và thực hành, sinh viên sẽ phát triển được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể phân tích các điều kiện khách quan và chủ quan của khu đất, nhu cầu của chủ đầu tư ... để có thể đưa ra các giải pháp thiết kế ngôi nhà phù hợp nhất.

9.38. Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp: 2TC

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quy hoạch khu công nghiệp và thiết kế kiến trúc công nghiệp bao gồm:

- Kiến thức về các khu công nghiệp trong đô thị, xí nghiệp công nghiệp, công trình công nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng tới quá trình thiết kế quy hoạch và thiết kế các xí nghiệp công nghiệp.
- Nghiên cứu và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm và phương pháp lựa chọn địa điểm quy hoạch khu công nghiệp và xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.
- Nguyên tắc, phương pháp và trình tự thiết kế xí nghiệp công nghiệp và các hạng mục công trình trong xí nghiệp công nghiệp.
- Giải pháp quy hoạch, kiến trúc và cấu tạo thông dụng được tổng kết từ kinh nghiệm xây dựng Công nghiệp trong và ngoài nước.

9.39. Hệ thống kỹ thuật và thiết bị công trình: 3TC

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản: khái niệm chung về hệ thống kỹ thuật MEP công trình; Các sơ đồ nguyên lý của các hệ thống; Các hạng mục và thiết bị của hệ thống;

Tính toán xác định công suất các hệ thống kỹ thuật; Thiết kế bố trí các hệ thống kỹ thuật trong công trình, ...

9.40. Quy hoạch chi tiết khu ở: 2 TC

Môn học đưa ra tổng quan, những lý thuyết cơ bản về Đô thị, quy hoạch đô thị và các điểm dân cư; các vấn đề về đô thị hóa; các lý luận quy hoạch xây dựng đô thị; quy hoạch xây dựng không gian ở, khu trung tâm và hệ thống công trình dịch vụ công cộng trong đô thị, hệ thống cây xanh, hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật... của đơn vị ở trong đô thị. Cung cấp cho sinh viên kiến thức và năng lực thực hiện một đồ án QHĐT ở mức độ đơn giản (như QH chi tiết một khu chức năng).

Kiến thức chuyên ngành:

9.41. Bài tập cơ sở 1: 2TC

Học phần từng bước trang bị kiến thức và kỹ năng cho sinh viên từ việc nắm bắt các tiêu chuẩn cơ bản trong công tác vẽ kỹ thuật như: trình bày bản vẽ, đường nét, chữ số, tỷ lệ, hình chiếu vuông góc, phương pháp sử dụng các họa cụ thường dùng .. cho đến quy cách thiết lập các hình chiếu cơ bản của một công trình kiến trúc.

Giới thiệu qui trình lập hồ sơ thiết kế một công trình từ hồ sơ thiết kế sơ bộ đến hồ sơ thiết kế triển khai, qui cách trình bày một số hình vẽ kiến trúc trong từng loại hồ sơ và kỹ năng thực hành thể hiện các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc bằng các họa cụ vẽ tay thông dụng.

9.42. Bài tập cơ sở 2: 2TC

Hướng dẫn phương pháp trình bày ý tưởng sơ bộ một phương án kiến trúc.

Hướng dẫn kỹ năng thể hiện các nội dung thiết kế của một công trình kiến trúc (mặt bằng tổng thể, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng, phối cảnh); kỹ năng sử dụng các chất liệu vẽ để mô tả nhanh các nội dung thiết kế).

Hướng dẫn cách sắp xếp các nội dung thiết kế trên bản vẽ sao cho nêu bật được ý đồ và đặc điểm kiến trúc công trình.

9.43. Bài tập cơ sở 3: 2TC

Trải nghiệm thiết kế một không gian nhỏ trên thực tế với diện tích từ 16 đến 20m².

Giai đoạn 1: 3 tuần:

- Vẽ ghi hiện trạng, phân tích hiện trạng, tra cứu các tài liệu về tiêu chuẩn thiết kế liên quan đến đề tài.
- Mỗi cá nhân trình bày phương án dạng phác thảo.
- Thuyết minh phương án.

Giai đoạn 2: 3 tuần

- Phân tích và đánh giá các phương án thiết kế của từng cá nhân để đưa ra phương án chọn cho nhóm.
- Triển khai bản vẽ thiết kế chi tiết cho phương án chọn.
- Thực hiện mô hình 1/1 hay 1/10 cho phương án chọn.
- Thuyết minh phương án chọn.

9.44. Bài tập cơ sở 4: 3TC

Đề án được chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1:

- Sinh viên tập hợp dữ liệu liên quan đến đề tài thiết kế bao gồm: cơ sở dữ liệu thiết kế bao gồm: cơ sở dữ liệu thiết kế, các hình ảnh thông tin liên quan đến đề tài.
- Phân tích khu đất, tập hợp dữ liệu thủy văn, vật lý kiến trúc, nắng, gió ...
- Đề xuất phương án thiết kế hình khối, giao thông, phân khu chức năng.

Giai đoạn 2: sau khi hoàn thành giai đoạn 1, sinh viên tiến hành triển khai phương án kiến trúc đã được chọn, triển khai các mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt và chi tiết cấu tạo liên quan.

9.45. Đề án Kiến trúc Công Cộng 1: 2TC

Cấp độ của học phần: là học phần của năm học thứ 2, đây là đề án thiết kế sáng tác đầu tiên thuộc thể loại công trình công cộng có quy mô nhỏ, yêu cầu sinh viên biết áp dụng những nguyên tắc cơ bản của nguyên lý thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, đáp ứng đúng dây chuyền sử dụng của một công trình nhỏ, chưa đòi hỏi yêu cầu cao về khả năng sáng tạo nghệ thuật, yêu cầu kỹ thuật trong công trình.

Nội dung học phần:

- Nghiên cứu thiết kế công trình công cộng có quy mô nhỏ, đặt trong mối quan hệ với các công trình xung quanh.
- Công trình có thể đặt ở những địa điểm trong khu dịch vụ đô thị như: khu trung tâm đô thị, công viên, khu du lịch, bãi biển, ven hồ, ..., và có thể sử dụng các loại vật liệu đơn giản của địa phương.
- Thể loại công trình: các loại công trình kiến trúc công cộng thuộc thể loại dịch vụ đô thị có quy mô nhỏ: quán hoa, quầy sách báo, đồ lưu niệm, quán giải khát, nhà hàng thức ăn nhanh, cửa hàng dịch vụ tiện ích 24g, cửa hàng dịch vụ thú nuôi, bến tàu, bến phà, trạm xe buýt, câu lạc bộ X-game, trạm xá, bưu điện, ...
- Quy mô xây dựng: các công trình kiến trúc có quy mô nhỏ, diện tích phụ thuộc vào từng thể loại đề án, nhưng ≤ 500 m² sàn xây dựng, nội dung ≤ 4 khối chức năng, quy mô t đến 1,5 tầng.

9.46. Đề án Kiến trúc Công Cộng 2: 2TC

Đề án trang bị cho sinh viên kiến thức thiết kế công trình giáo dục quy mô cấp mầm non và tiểu học, vận dụng nguyên lý thiết kế công trình công cộng, các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy, thoát nạn khi nghiên cứu.

Đề án công cộng 2 có quy mô nhỏ, cao từ 1 đến 3 tầng, nội dung ≤ 4 khối chức năng, có dây chuyền sử dụng không phức tạp. Thể loại công trình: Trường Mầm Non hoặc Trường Tiểu học có khối nhóm – lớp; Khối phục vụ học tập; khối hành chính quản lý; sân bãi, sân chơi, cây xanh.

Yêu cầu: công trình có hình khối kiến trúc đẹp, trang trí màu sắc phù hợp tâm sinh lý của trẻ, tổ chức giao thông nội bộ tốt, vị trí các khối công trình hợp lý, đảm bảo dây chuyền sử dụng, có khoảng cách hợp lý, yên tĩnh. Tổ chức cây xanh sân vườn sân chơi

của trẻ, giao thông tiếp cận. khai thác yếu tố cây xanh để cải tạo vi khí hậu trong công trình.

Hệ thống kết cấu đảm bảo độ bền vững, đạt quy chuẩn tiêu chuẩn sử dụng, chú ý giải pháp tiết kiệm trong xây dựng.

9.47. Đồ án Kiến trúc Công Cộng 3: 3TC

Cấp độ học phần: là học phần của năm học thứ 2, là đồ án thuộc thể loại công trình công cộng bước đầu thiết kế loại không gian kiến trúc có quy mô trung bình về diện tích sử dụng và tầng cao. Sinh viên tập làm quen với tư duy thiết kế chịu ảnh hưởng các yếu tố văn hóa, nghệ thuật và kỹ thuật, là bước đệm để thiết kế các đồ án lớn (trường học, bảo tàng, viện nghiên cứu, trung tâm văn hóa, hành chính ...)

Nội dung học phần:

- Môn học cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về các chức năng, yêu cầu của các không gian trong công trình Thư viện và cách tổ chức không gian, tổng mặt bằng, dây chuyền hoạt động của công trình.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản để thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế loại công trình văn hóa, thư viện.
- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu.
- Sinh viên được yêu cầu lập một hồ sơ thiết kế cho một công trình văn hóa, loại hình Thư viện (Thư viện cộng đồng, thư viện nghiên cứu, thư viện tổng hợp)
- Thông qua làm việc nhóm và làm việc cá nhân, sinh viên nắm được cách thức áp dụng các quy định và quy trình liên quan đến việc lập một đồ án thiết kế công trình cụ thể.

9.48. Đồ án Kiến trúc Công Cộng 4: 3TC

Cấp độ học phần: là học phần của năm thứ 3, đây là đồ án thuộc thể loại công trình công cộng có quy mô diện tích và chiều cao trung bình, yêu cầu đáp ứng vừa thiết kế không gian kiến trúc vừa đáp ứng về không gian kết cấu nhịp lớn. Đồ án có yêu cầu về nghiên cứu các hệ thống kỹ thuật trong công trình, giải quyết chi tiết cấu tạo đặc thù và vật liệu hoàn thiện bên ngoài công trình và vận dụng các kiến thức về PCCC, thoát hiểm, hệ thống giao thông thang máy.

Nội dung học phần:

- Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế công trình thương mại: Chợ - Siêu thị - Trung tâm thương mại.
- Áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể.
- Áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và nước ngoài khi thiết kế công trình thương mại – dịch vụ.
- Sinh viên được yêu cầu lập một hồ sơ thiết kế cho một công trình thương mại: có 3 đề tài được lựa chọn cho sinh viên thực hiện tùy theo sắp xếp của chương trình đào

tạo từng khóa: Chợ - siêu thị - Trung tâm thương mại; có quy mô từ 2 đến 4 tầng, khu đất xây dựng có diện tích 1,5 đến 2ha.

- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá địa điểm xây dựng cụ thể và từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu về kiến trúc và kỹ thuật của công trình theo yêu cầu.

9.49. Đồ án Kiến trúc Công Cộng 5: 2TC

Cấp độ học phần: là học phần năm thứ 3, đây là đồ án thuộc thể loại công trình công cộng yêu cầu đáp ứng vừa thiết kế không gian kiến trúc nhỏ theo giải pháp hành lang, vừa đáp ứng bắt buộc về không gian học theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế trường học. Đồ án có yêu cầu về nghiên cứu các chuẩn kỹ thuật và vận dụng kiến thức của các môn học về vật lý kiến trúc (thông thoáng, chiếu sáng, vật liệu ...), PCCC và thoát hiểm.

Nội dung học phần:

- Môn học cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về các chức năng, yêu cầu của các không gian trong công trình giáo dục và cách tổ chức không gian, tổng mặt bằng, dây chuyền hoạt động của công trình.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản để thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế loại công trình giáo dục qui mô cấp Trung học, Trung cấp và Cao đẳng dạy nghề.
- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu.
- Sinh viên nắm được các nguyên tắc tổ chức không gian của công trình trường học và có khả năng phân tích dây chuyền công năng sử dụng, tổ hợp khối, bố cục phân khu chức năng trong công trình.

9.50. Đồ án Kiến trúc Công Cộng 6: 2TC

Cấp độ học phần: là học phần thuộc năm thứ 4. Đồ án thuộc thể loại công trình nghệ thuật biểu diễn, yêu cầu đáp ứng vừa thiết kế không gian kiến trúc nhà nhịp lớn, vừa đáp ứng về không gian biểu diễn có đông người sử dụng liên tục, bảo đảm các nguyên tắc về thoát người, tia nhìn, thiết kế nền dốc của khán phòng theo đúng qui chuẩn, tiêu chuẩn. Đồ án có yêu cầu về nghiên cứu các kiến thức về kết cấu nhịp lớn, hệ thống kỹ thuật (thông thoáng, chiếu sáng, điều hòa không khí, ...), về thiết kế sơ bộ về trang âm và trang thiết bị nội thất.

Nội dung học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên yêu cầu thiết kế và cung cấp thêm cho sinh viên các kiến thức và phương pháp thiết kế công trình Nhà hát.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản để thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế loại công trình Nhà hát có quy mô khoảng 800 đến 1000 chỗ
- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu.
- Sinh viên nắm được các nguyên tắc tổ chức không gian của công trình trường học và có khả năng phân tích dây chuyền công năng sử dụng, tổ hợp khối, bố cục phân khu chức năng trong công trình.

9.51. Đồ án Kiến trúc Công Cộng 7: 3TC

Cấp độ học phần: là học phần năm thứ 3, đây là đồ án thuộc thể loại công trình công cộng loại hình kiến trúc không gian lớn và kết cấu nhịp lớn phức tạp. Sinh viên bắt đầu áp dụng các kiến thức về kỹ thuật (kết cấu, cấu tạo mái và vỏ bao che không gian lớn, hệ thống M-E, vật lý kiến trúc đặc thù, thoát người, thiết kế tia nhìn, độ dốc khán đài)

Nội dung học phần:

- Môn học cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về các chức năng, yêu cầu của các không gian lớn trong công trình Nhà thi đấu TDTT có mái che và giải pháp tổ chức thiết kế phân khu chức năng trong mặt bằng tổng thể, tổ chức dây chuyền hoạt động của các hoạt động trong công trình đồng người.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản để thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế loại công trình TDTT có mái che.
- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu.
- Sinh viên được yêu cầu lập một hồ sơ thiết kế cho một công trình Nhà thi đấu TDTT đa năng có mái với qui mô từ 2000 đến 2500 khán giả, qui mô khu đất từ 1,5 đến 2ha.
- Thông qua làm việc nhóm và làm việc cá nhân, sinh viên nắm được cách thức lập một đồ án thiết kế công trình cụ thể.

9.52. Đồ án Kiến trúc Nhà ở 1: 3TC

Cấp độ học phần: là học phần của năm học thứ 2, đây là đồ án thiết kế sáng tác đầu tiên thuộc thể loại công trình nhà ở có quy mô nhỏ, thấp tầng, yêu cầu sinh viên biết áp dụng những nguyên tắc cơ bản của nguyên lý thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, đáp ứng đúng dây chuyền sử dụng của một công trình nhà ở nhỏ, chưa đòi hỏi yêu cầu cao về khả năng sáng tạo nghệ thuật, yêu cầu kỹ thuật trong công trình.

Nội dung của học phần:

- Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế nhà ở thấp tầng (biệt thự, nhà liên kế).
- Áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể. Các kiến thức, kỹ năng được xây dựng dần lên theo từng tuần thành một tổng thể các kỹ năng ứng dụng cần thiết.
- Sinh viên được yêu cầu lập một hồ sơ thiết kế cho một công trình nhà ở thấp tầng (biệt thự, nhà liên kế). Thông qua làm việc nhóm và làm việc cá nhân, sinh viên nắm được cách thức áp dụng các quy định và quy trình liên quan đến việc lập một đồ án thiết kế.
- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu.

9.53. Đồ án Kiến trúc Nhà ở 2: 3TC

Cấp độ học phần: là học phần của năm thứ 3, là đồ án thuộc thể loại công trình Nhà ở có quy mô cơ cấu ở nhiều căn hộ và có chiều cao nhiều tầng (5-7 tầng). Đồ án bước đầu tập cho sinh viên biết vận dụng các kiến thức kỹ thuật về giải pháp kết cấu, thông

gió, chiếu sáng, đồng thời giúp cho sinh viên giải quyết tổ chức các không gian chức năng công cộng phục vụ cho cư dân trong 1 hoặc cụm công trình nhà ở hợp lý

Nội dung học phần:

- Môn học giới thiệu nội dung cơ bản về nguyên lý thiết kế loại hình nhà chung cư thấp và nhiều tầng (5-7 tầng): định nghĩa thể loại công trình, dây chuyền sử dụng, công năng, yêu cầu về thẩm mỹ, hình khối công trình nhà ở chung cư.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản để thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế loại hình nhà ở Chung cư.
- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận: hiện trạng, tự nhiên, văn hóa xã hội, kinh tế, phong tục tập quán, nguyên lý thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm, kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước ... để đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu qua 2 giai đoạn nghiên cứu của đồ án.
- Sinh viên áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể, kỹ năng lập hồ sơ thiết kế cho một công trình, thông qua làm việc nhóm và làm việc cá nhân, kỹ năng áp dụng các quy định và quy trình nghiên cứu và lập thiết kế sơ bộ đến việc lập một đồ án thiết kế công trình cụ thể thể loại công trình này.

9.54. Đồ án Kiến trúc Thiết kế Nội – Ngoại thất: 2TC

Vận dụng kiến thức cơ bản về bố cục, tạo hình vào việc thực hiện một đồ án trang trí trên các mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng nội thất, ngoại thất của các phòng làm việc trong công trình kiến trúc công cộng, phòng sinh hoạt trong nhà ở, một góc sân, tiểu cảnh, v.v...

9.55. Đồ án Kiến trúc Công nghiệp : 3TC

Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học trong môn học nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp vào việc thiết kế một công trình cụ thể, một xí nghiệp công nghiệp một hoặc nhiều tầng.

Tổ chức tổng mặt bằng, tổ chức không gian kiến trúc đáp ứng yêu cầu công nghệ, quản lý hành chính và phục vụ công nhân, có tính đến mối quan hệ của xí nghiệp với khu công nghiệp và khu vực lân cận.

Giải pháp kiến trúc cần đạt yêu cầu về thẩm mỹ, kỹ thuật công trình, kỹ thuật sản xuất và bảo vệ môi trường.

9.56. Đồ án Quy hoạch khu ở: 3TC

Đồ án Quy hoạch đơn vị ở đô thị được xây dựng trên cơ sở giúp cho sinh viên chuyên ngành Kiến Trúc có kiến thức cơ bản về công tác Quy hoạch xây dựng đô thị. Cụ thể là nhận biết được cấu trúc của một đơn vị ở và mối liên kết không gian và chức năng của chúng.

Đồ án giúp cho sinh viên từng bước làm quen với các điều kiện trong thực tế của công tác thiết kế Quy hoạch, đạt được các kỹ năng sau:

+ Tính toán các chỉ tiêu đất đai, chỉ tiêu sử dụng đất, số lượng nhà ở theo từng loại hình, các công trình công cộng trong đơn vị ở

- + Vận dụng những quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế để áp dụng vào đồ án
- + Kỹ năng tổ chức không gian của các loại hình nhà ở, công trình công cộng
- + Kỹ năng trình bày và bảo vệ quan điểm thiết kế trong đồ án

9.57. Đồ án Tổng hợp: 3TC

Chuyên ngành công cộng:

- Thiết kế một công trình kiến trúc hoặc một tổ hợp kiến trúc có qui mô tương đối lớn, có công năng và yêu cầu kỹ thuật phức tạp đòi hỏi sinh viên phải khảo sát, đánh giá đặc điểm và giá trị của khu đất xây dựng. Tìm hiểu những tiêu chuẩn, qui chuẩn thiết kế xây dựng có liên quan. Tính toán, nghiên cứu, đề xuất giải pháp kiến trúc, kỹ thuật, trang thiết bị phù hợp, có chú ý đến các mối quan hệ của công trình với khu vực và các công trình lân cận, với môi trường tự nhiên và xã hội nơi xây dựng.

Chuyên ngành Nhà ở:

- Tìm hiểu các kiến thức cơ bản về quy hoạch và thiết kế khu nhà ở chung cư cao tầng (15-18 tầng, chưa kể tầng hầm và tầng kỹ thuật), bao gồm các tiêu chuẩn tính toán quy hoạch khu ở, tiêu chuẩn về diện tích ở, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, các nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế nhà ở cao tầng, hệ thống kết cấu và trang thiết bị kỹ thuật cho nhà ở cao tầng ...
- Khảo sát, phân tích đánh giá về đặc điểm và giá trị khu đất XD.
- Quy hoạch tổng mặt bằng khu chung cư cao tầng: tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và các công trình phục vụ công cộng (thương mại, công viên cây xanh, TĐTT ...)
- Khai triển một mẫu chung cư trong cụm nhà ở cao tầng: phù hợp về diện tích, công năng, mỹ quan, tập quán sinh hoạt và các ứng xử văn hóa.
- Giải pháp kỹ thuật (kết cấu, cấu tạo kiến trúc, trang thiết bị, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, kết cấu bao che) phù hợp đặc điểm khu đất XD và giải pháp kiến trúc.

Chuyên ngành Công nghiệp:

- Thiết kế tổng mặt bằng một xí nghiệp liên hiệp công nghiệp nhẹ, cơ khí, chế tạo máy hay sản xuất vật liệu, cấu kiện xây dựng v.v... có chú ý đến mối quan hệ hợp tác giữa các xí nghiệp về sản xuất, nguyên vật liệu, vận chuyển, kỹ thuật, năng lượng và phục vụ công nhân ... Chú ý đến quan hệ của xí nghiệp với khu công nghiệp, khu dân cư lân cận, thành phố, đến các yêu cầu bảo vệ môi trường.
- Thiết kế kiến trúc một xí nghiệp công nghiệp nằm trong xí nghiệp liên hiệp, đáp ứng yêu cầu của công nghệ sản xuất và phục vụ công nhân, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật xây dựng, công nghiệp hóa xây dựng và mỹ quan.

9.58. Đồ án Chuyên đề: 2TC

Cấp độ học phần: là học phần năm học thứ 5. Đồ án thuộc lĩnh vực nghiên cứu chuyên đề thể loại công trình liên quan đến loại hình kiến trúc của đề tài tốt nghiệp, đồ án nhằm mục đích tập cho sinh viên bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học, đồng thời đồ án có tầm quan trọng trong việc sinh viên thu thập, sưu tầm, phân loại, tổng hợp, phân tích và đánh giá đưa vào sử dụng cho đồ án tốt nghiệp. Đồ án còn có yêu cầu sinh viên về nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến giải pháp thiết kế của đồ án tốt

nghiệp như: kết cấu, vật lý kiến trúc, hệ thống kỹ thuật M-E, cấu tạo, vật liệu, công nghệ thi công ...

Nội dung học phần: môn học trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu thông qua nghiên cứu một thể loại công trình kiến trúc đặc thù.

9.59. Đề cương và chọn đề tài tốt nghiệp: 2TC

Giúp sinh viên định hướng, cách thức để lựa chọn và đăng ký 1 đề tài tốt nghiệp cho phù hợp, đảm bảo đủ yêu cầu về kiến thức và khối lượng của một đồ án tốt nghiệp.

Sau khi đã chọn và đăng ký đề tài tốt nghiệp, sinh viên lập đề cương tốt nghiệp với nội dung:

- Lý do chọn đề tài, những hiểu biết về đề tài, những tài liệu và số liệu cần thiết, những tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Lập nhiệm vụ thiết kế chi tiết gồm: Quy mô công trình, địa điểm xây dựng, nội dung và yêu cầu thiết kế đối với từng hạng mục công trình.

9.60. Thiết kế nhanh 1 và 2: 1TC

Sinh viên nhận đề trước 1 đến 3 ngày, sau đó nghiên cứu đề xuất nhanh giải pháp thiết kế cụ thể và trình bày nhanh bằng kỹ thuật vẽ tay ý tưởng kiến trúc qua bản vẽ hoặc mô hình các thể loại công trình như: trụ sở văn phòng, ủy ban nhân dân phường, đại lý bưu điện, chi nhánh ngân hàng, ...

9.61. Thiết kế nhanh 3 và 4: 1TC

Sinh viên nhận đề trước 1 đến 3 ngày, sau đó nghiên cứu đề xuất nhanh giải pháp thiết kế cụ thể và trình bày nhanh bằng kỹ thuật vẽ tay ý tưởng kiến trúc qua bản vẽ hoặc mô hình các thể loại công trình như: nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, phòng đọc sách, câu lạc bộ, cửa hàng, ...

9.62. Thiết kế nhanh 5 và 6: 1TC

Sinh viên nhận đề trước 1 đến 3 ngày, sau đó nghiên cứu đề xuất nhanh giải pháp thiết kế cụ thể và trình bày nhanh bằng kỹ thuật vẽ tay ý tưởng kiến trúc qua bản vẽ hoặc mô hình các thể loại công trình như: trạm y tế, trường nghề, phòng triển lãm, showroom, bảo tàng, rạp chiếu phim, rạp xiếc, sân khấu ngoài trời, ...

9.63. Thực tập tốt nghiệp: 2TC

Sinh viên tiếp cận các công ty tư vấn thiết kế, quản lý dự án nhằm tìm hiểu các qui trình khảo sát, chọn phương thức đầu tư, lập dự án. Tìm hiểu các bước tiến hành chọn phương án thiết kế kiến trúc và theo dõi thi công. Qua đó nâng cao nhận thức chuẩn bị chọn đề tài tốt nghiệp và định hướng nơi công tác sau khi tốt nghiệp ra Trường.

9.64. Đồ án tốt nghiệp: 10TC

Nhằm đánh giá sinh viên một cách toàn diện về kiến thức, phương pháp và kỹ năng thiết kế, thông qua một đồ án kiến trúc cụ thể hoặc một đề tài nghiên cứu lý thuyết do sinh viên tự chọn và được khoa chấp thuận.

Kiến thức tự chọn

9.65. Chuyên đề kiến trúc 1: 2TC (chọn 1 trong 2)

a. Thực hành kiến trúc:

Trang bị cho sinh viên về qui trình , phương pháp và cách trình bày để thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc . Thể hiện qua các giai đoạn phân tích không gian nhu cầu lập nhiệm vụ thiết kế; khảo sát và phân tích hiện trạng; phân khu chức năng và tìm ý; tổ hợp mặt bằng khối; Tổ hợp không gian chức năng, tổ hợp mặt đứng kiến trúc, tổ hợp kết cấu.

b. Điều khắc trong không gian kiến trúc:

Sinh viên hiểu biết về bộ môn điêu khắc, một nghệ thuật rất gần gũi và thường gắn liền với kiến trúc.

Giúp sinh viên tạo ra được một tổng thể không gian hoàn chỉnh bao gồm kiến trúc và điêu khắc.

9.66. Chuyên đề kiến trúc 2: 2TC (chọn 1 trong 2)

a. Kiến trúc và môi trường (Kiến trúc tiết kiệm năng lượng):

Tầm quan trọng của kiến trúc trong chiến lược bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Môi trường sinh thái và vấn đề sử dụng năng lượng trong ngành Kiến trúc và Xây dựng. Các xu hướng kiến trúc đương đại trong chiến lược bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng

b. Công nghệ Vật liệu xây dựng và vật liệu mới:

Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống trang thiết bị kỹ thuật, các dạng kết cấu mới, vật liệu mới tiên tiến: các chủng loại, kích thước, cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của các hệ thống cũng như vị trí bố trí, cách thức lắp đặt phù hợp, ... cập nhật các ứng dụng và xu hướng sử dụng vật liệu mới. Phương thức xác định nhu cầu trang thiết bị kỹ thuật công trình.

9.67. Chuyên đề kiến trúc 3: 2TC (chọn 1 trong 2)

a. Lịch sử đô thị:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của các đô thị trên thế giới từ thời cổ đại cho đến hiện nay, song hành với nó là sự phát triển của các đô thị Việt Nam.

Định hướng cho quá trình phát triển đô thị trong tương lai

b. Kiến trúc nhà cao tầng:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề trọng tâm trong thiết kế công trình kiến trúc cao tầng.

Hướng dẫn sinh viên tra cứu, tìm hiểu các yêu cầu, tài liệu kỹ thuật có liên quan đến thiết kế công trình kiến trúc cao tầng thuộc các chuyên ngành khác như: Kết cấu, Điện, Nước, Điều hòa, Thông gió, Phòng cháy chữa cháy.

Sinh Viên có thể áp dụng vào thiết kế phương án một công trình kiến trúc cao tầng.

9.68. Chuyên đề kiến trúc 4: 2TC (chọn 1 trong 2)

a. Kiến trúc cảnh quan:

Học phần này giới thiệu cho sinh viên bản chất, đối tượng nghiên cứu, các loại hình chính của cảnh quan đô thị, chuyên sâu vào vấn đề Kiến trúc Cảnh quan và những vấn đề liên quan. Ngoài phần cơ sở lý thuyết căn bản, học phần còn cung cấp các phương pháp thực hành trong quy hoạch cảnh quan đô thị. Việc nắm vững nội dung của học phần là cơ sở nền tảng để sinh viên có thể thực hiện học phần đồ án và thiết kế cây xanh cho các công trình kiến trúc.

b. Kiến trúc và phong thủy:

Kiến thức tổng quan về thuật phong thủy: lược sử, các yếu tố hình thành, các tác động, các quan niệm, ... Vận dụng cụ thể trong quá trình thiết kế công trình kiến trúc: phân tích khu đất, bao cảnh, không gian nội ngoại thất, các hoạt động của con người, ...

9.69. Chuyên đề kiến trúc 5: 2TC (chọn 1 trong 2)

a. Xã hội học Kiến trúc:

Môn học thuộc phần lý luận kiến trúc, giúp người học quan niệm về không gian mang tính nhân bản – không gian vì con người.

Một không gian chỉ là không gian mang tính vật chất khi nhà thiết kế đơn thuần “chơi cùng hình khối và đường nét” – nhưng một kiến trúc sư thực thụ phải biết tạo ra một sản phẩm thể hiện được bản sắc của văn hoá, phản ánh được nhu cầu của xã hội, của người sử dụng và tạo nên “nơi chốn” cho không những các hoạt động của con người, mà hơn nữa là lưu giữ ký ức và cảm xúc của họ. Môn học lấy tài liệu của các môn học trong phần điều kiện tiên quyết để là cơ sở phân tích các mối liên hệ Con Người – Không Gian bằng các công cụ xã hội học, mở ra các khả năng tiềm tàng vốn đôi khi vô hình cho các nhà thiết kế tương lai

b. Lập và quản lý dự án:

Những kiến thức về lập và quản lý dự án xây dựng công trình. Quy định hiện hành và quy trình tiến hành của một sự án kiến trúc công trình trong và ngoài nước.

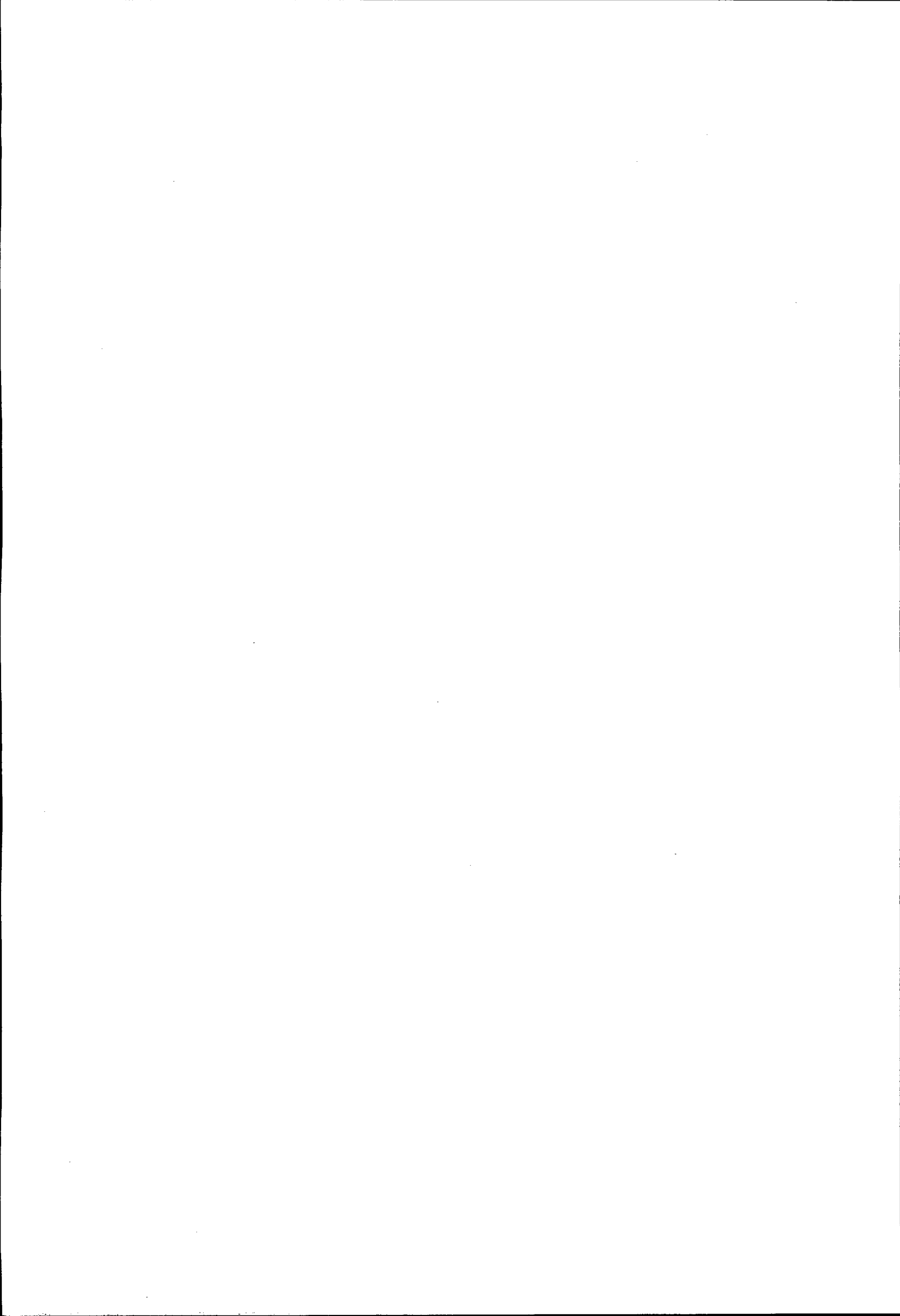
9.70. Chuyên đề kiến trúc 6: 2TC (chọn 1 trong 2)

a. Kiến trúc công cộng (bệnh viện):

Đây là chuyên đề nghiên cứu về kiến trúc bệnh viện , cung cấp cho sinh viên kiến thức về: sự hình thành và phát triển của thể loại công trình phục vụ cho việc khám chữa bệnh ở thế giới và Việt Nam; phân loại và phân cấp hệ thống bệnh viện Việt Nam hiện nay,; cung cấp kiến thức về các bộ phận không gian khám chữa bệnh cấu thành một bệnh viện đa khoa hiện nay (theo tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện 4470), trang thiết bị y tế ảnh hưởng đến không gian kiến trúc như thế nào?, kinh nghiệm thiết kế bệnh viện trong nước và quốc tế từ đó rút ra những vấn đề cần chú ý khi thiết kế bệnh viện.

b. Kiến trúc công cộng (khách sạn):

Giúp sinh viên có được kiến thức chuyên sâu về qui trình thiết kế một công trình có đầy đủ đầy chuyên công năng tương đối phức tạp cùng với các hạng mục, chức năng phòng ốc khác nhau trong một tổ hợp gắn kết chặt chẽ.



Sinh viên phân biệt được các đối tượng khách lưu trú khác nhau tương ứng với mỗi thể loại khách sạn cùng với vị trí xây dựng của nó.

Sinh viên cần nắm vững các đây chuyên phục vụ nhà buồng, phục vụ ăn uống và các dịch vụ công cộng và các đường đi sạch, bản của thực phẩm, đồ dung ...

Ngoài ra sinh viên cũng cần quan tâm đến các hệ thống trang thiết bị khách sạn, trang trí phòng ốc nội và ngoại thất sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến đẳng cấp của các loại khách sạn khác nhau.

HIỆU TRƯỞNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2016
TRƯỞNG KHOA KIẾN TRÚC



PGS.TS.KTS Nguyễn Khởi